

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/11/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CTK3+AMD+HST	7:25	8+11+3	0+0+0		6+12+0	0+0+0	CHUYEN 1 PAX AMD-HST
2		TTC2+PPD+BK14	7:25	4+14+4	0+0+0		2+10+10	0+0+0	
3		VSP02+BK9+BK8	7:25	10+5+7	0+0+0		6+9+7	0+0+0	
4		P7+CNV+CTK3	9:25	6+6+10	0+0+0		2+9+11	0+0+0	CHUYEN 1 PAX CNV-CTK3
5		BK10+RP1+VSP02	9:25	3+9+10	0+0+0		0+2+20	0+0+0	
6		CTK3+GTCl+VSP01	9:25	16+6+0	0+0+0		9+9+3	0+0+0	
7		TD2+BK5+VSP02	11:25	5+1+16	0+0+0		1+0+20	0+0+0	
8		P4+P9+PPD	11:25	7+3+12	0+0+0		0+1+20	0+0+0	CHUYEN 2 PAX P4-P9
9		P2-RP3+RP1	13:25	9+13	0+0		6+11	0+0	CHO HANG P2

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/11/2018	TO: CTK3 - AMD - HST	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: VThắng - Phong - DTùng	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ NGỌC QUANG	CTK3	62	1	5	55	79	DNV-GL	Vietnamese
2	PHUNG QUANG THANH HUNG	CTK3	68-70	3	20		70	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI THE DIEN	CTK3	63-64	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
4	SKOROBOGATKO	CTK3	61	1	7		92	KH-THAC	Russian
5	HOANG XUAN HIEU	CTK3					63	KH-THAC	Vietnamese
6	HA MINH GIANG	CTK3	60	1	2		85	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TRONG HAI	CTK3					77	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG TUAN	CTK3	59	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
9	NGO SY KHOI	AMD	99	1	12	70	70	KH-THAC	Vietnamese
10	LE TRI TRUNG	AMD	92	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG TRUNG KIEN	AMD	91	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN ANH KHOA	AMD	93	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
13	VADIM BOGACHEV	AMD	94	1	8		85	KH-THAC	Russian
14	THAI THANH THAO	AMD	39	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
15	PHI MANH HAI	AMD	2000	1	4		84	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN QUANG LONG	AMD	95	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VIET THANG	AMD	90	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN ANH KHOA	AMD	96	1	5		49	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN HUNG	AMD	97-98	2	5		75	KH-THAC	Vietnamese
20	DO THE THANH	HST	79-80	2	13		71	KH-THAC	Vietnamese
21	LE MINH THUAN	HST	76,78	2	14		66	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAM TUAN CHUNG	HST	81	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	8	9	53	599	55	6		CHUYEN 1 PAX TU AMD SANG HST
2	AMD	11	12	71	798	70	12		
3	HST	3	5	34	202	0	0		
TOTAL		22	26	158	1.599	125	18		
WEIGHT KG				158	1.599	125			

GRAND TOAL: 1.882 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/11/2018	TO: TTC2 - PPD - BK14	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Hồi - MMinh - Trường	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU MINH ĐỨC	TTC2	26-27	2	17	20	92	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN QUOC TRI	TTC2	25	1	10	15	75	KH-THAC	Vietnamese
3	LE QUOC CUONG	TTC2	24	1	7	130	68	NIPI	Vietnamese
4	NGUYEN VAN TRUNG	TTC2	17	1	5		75	NIPI	Vietnamese
5	PHAM QUOC CUONG	PPD	19-20	2	10		70	T-TIN	Vietnamese
6	FIRSOV	PPD	26-27	2	10		95	AN TOAN	Russian
7	BUI VAN VIEN	PPD	25	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐANG VAN NINH	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI NANG PHONG	PPD	28	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN MANH CUONG	PPD	29	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN SON	PPD	17	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN HOAI BAO	PPD	21-22	2	10		76	KH-THAC	Vietnamese
13	BIEN MINH SON	PPD	24	1	8		82	KH-THAC	Vietnamese
14	LE VAN VIET	PPD	18	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGO DUC VONG	PPD					62	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐO DUC QUAN	PPD	23	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
17	NGO VIET ANH	PPD					85	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI VAN DAO	PPD	30-31	2	7		80	KH-THAC	Vietnamese
19	LE VAN TOAN	BK14	42	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐAO KIM CUONG	BK14	41	1	6	28	60	KH-THAC	Vietnamese
21	LE VAN LAM	BK14	22	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
22	VU DINH HUY	BK14	43	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	4	5	39	310	165	2		
2	PPD	14	15	76	1.038	0	10		
3	BK14	4	4	23	250	28	10		
TOTAL		22	24	138	1.598	193	22		
WEIGHT KG				138	1.598	193			

GRAND TOAL: 1.929 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/11/2018	TO: VSP02 - BK9 - BK8	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Vận - TRƯỜNG - Luy	ETA: 09:20
Vang-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VĂN THOAI	VSP02	18	1	2		68	YTE	Vietnamese
2	NGUYEN NGOC QUANG	VSP02					55	SHINTRAC	Vietnamese
3	NGUYEN PHUOC HO	VSP02	16	1	7	18	70	SHINTRAC	Vietnamese
4	THAI VAN TUAN	VSP02	13	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
5	POKLONSKIY	VSP02	11	1	4		80	KH-THAC	Russian
6	ĐANG NGOC CUONG	VSP02					72	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN LÊ HỘI	VSP02	15	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN XUÂN KINH	VSP02					52	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ NGỌC DUNG	VSP02	12	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ ĐÌNH KHOA	VSP02	14	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN NGỌC CHÍNH	BK9	73	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN ĐỨC CUONG	BK9	72	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐANG QUANG HUY	BK9	900	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ VĂN BÌNH	BK9	99	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VĂN NANG	BK9	71	1	10	45	64	PSV	Vietnamese
16	TRẦN VĂN LAC	BK8	18	1	15		94	XAYLAP	Vietnamese
17	DUONG VAN TUAN	BK8	20	1	5	30	65	XAYLAP	Vietnamese
18	HOANG DINH VINH	BK8	26-28	3	16		64	XAYLAP	Vietnamese
19	LÊ VIỆT QUANG	BK8	29-30	2	20		68	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ VĂN BÌNH	BK8	24-25	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
21	HOANG VAN THANH	BK8	21-23	3	15		60	XAYLAP	Vietnamese
22	NGÔ QUANG PHUC	BK8	17	1	15		72	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	10	7	33	681	18	6		
2	BK9	5	5	35	354	45	9		
3	BK8	7	13	104	483	30	7		
TOTAL		22	25	172	1.518	93	22		
WEIGHT KG				172	1.518	93			

GRAND TOAL: 1.783 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/11/2018	TO: P7 - CNV - CTK3	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: VThắng - Phong - DTùng	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOÀNG NGỌC ANH CHIẾN	P7	90	1	7	80	72	XAYLAP	Vietnamese
2	VÔ QUỐC TUẤN	P7	89	1	13		84	XAYLAP	Vietnamese
3	PHẠM VĂN CHI	P7	88	1	11		58	PVC-PT	Vietnamese
4	VŨ ĐỨC HIỆP	P7	87	1	8		61	PVC-PT	Vietnamese
5	NGUYỄN TIẾN BÌNH	P7	85	1	6		65	PVC-PT	Vietnamese
6	LÊ TIẾN TRÌNH	P7	86	1	11		57	PVC-PT	Vietnamese
7	ĐỖ QUỐC TÙNG	CNV	22-23	2	10	40	80	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐANG ĐỨC HẠNH	CNV	21	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM ĐỨC KIỂM	CNV	20	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TIẾN DŨNG	CNV	19	1	2		76	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐÀO TRỌNG HIỆP	CNV	16-17	2	14		72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH TIẾN	CNV	18	1	3		75	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG KIM	CTK3	17	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐOÀN QUANG TUẤN	CTK3	19	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC TƯƠNG	CTK3	20	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ THANH LIÊM	CTK3	15	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM QUỐC CƯỜNG	CTK3	21	1	2		80	KH-THAC	Vietnamese
18	TRƯƠNG QUỐC BẢO	CTK3	46	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN TUẤN	CTK3	22	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
20	TRƯƠNG ĐÌNH HUY	CTK3	18	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐÀO VIỆT HÙNG	CTK3	44	1	11	12	65	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN HỮU BẢO	CTK3	16	1	5		88	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	6	6	56	397	80	2		CHUYEN 1 PAX CNV-CTK3
2	CNV	6	8	42	439	40	9	1	
3	CTK3	10	10	54	696	12	11		
TOTAL		22	24	152	1.532	132	22		
WEIGHT KG				152	1.532	132			

GRAND TOAL: 1.816 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/11/2018	TO: BK10 - RP1 - VSP02	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Hồi - MMinh - Trường	ETA: 11:25
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ VĂN QUÂN	BK10	78-79	2	10	20	67	TRƯỜNG V	Vietnames
2	ĐỖ ĐÌNH TRƯỜNG	BK10	80-81	2	17		70	TRƯỜNG V	Vietnames
3	PHAN VĂN HIỆU	BK10	82-83	2	17		58	TRƯỜNG V	Vietnames
4	THÔI QUỐC TUÂN	RP1	83	1	7		60	XAYLAP	Vietnames
5	TRẦN THỂ NGUYỄN	RP1	80-81	2	17		70	XAYLAP	Vietnames
6	NGUYỄN MẠNH PHÚC	RP1	79	1	5		70	XAYLAP	Vietnames
7	NGUYỄN ĐỨC THANH	RP1	82	1	7		72	XAYLAP	Vietnames
8	ĐẶNG NGỌC CƯỜNG	RP1	90	1	15		68	XAYLAP	Vietnames
9	PHAN ĐÌNH MINH	RP1	84-85	2	17	15	62	XAYLAP	Vietnames
10	NGUYỄN VŨ HỘI	RP1	87-88	2	17		85	XAYLAP	Vietnames
11	PHẠM VĂN ĐÌNH	RP1	86	1	17		70	XAYLAP	Vietnames
12	NGUYỄN QUANG HÙNG	RP1	89	1	17		60	XAYLAP	Vietnames
13	PHAN CHIẾN THẮNG	VSP02	27	1	5		74	KH-THAC	Vietnames
14	NGUYỄN MẠNH HÀ	VSP02	19	1	5		70	KH-THAC	Vietnames
15	LÊ CÔNG HOÀN	VSP02				100	65	KH-THAC	Vietnames
16	TRẦN DŨNG XUÂN	VSP02	28	1	4		62	KH-THAC	Vietnames
17	NGUYỄN THANH THẢO	VSP02	23	1	5		75	KH-THAC	Vietnames
18	DƯƠNG TRUNG VIỆT	VSP02	22	1	5		75	KH-THAC	Vietnames
19	NGUYỄN VIỆT NGỌC	VSP02	25	1	10		70	KH-THAC	Vietnames
20	VŨ TÂN LINH	VSP02	24	1	5		58	KH-THAC	Vietnames
21	CAO VĂN KHA KHA	VSP02	26	1	8		76	KH-THAC	Vietnames
22	HÀ MẠNH THẮNG	VSP02	21	1	5		55	KH-THAC	Vietnames

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	3	6	44	195	20	0		
2	RP1	9	12	119	617	15	2		
3	VSP02	10	9	52	680	100	20		
TOTAL		22	27	215	1.492	135	22		
WEIGHT KG				215	1.492	135			

GRAND TOAL: 1.842 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/11/2018	TO: CTK3 - GTC1 - VSP01	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Văn - TRƯỜNG - Luy	ETA: 11:30
HONG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUYỆN VĂN THIỆU	CTK3	97	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN KHÁC THẮNG	CTK3	93	1	4		56	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN ĐAN QUÊ	CTK3	94	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN XUAN THANH	CTK3	92	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	CTK3	95	1	4		50	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐẮC THANH	CTK3	96	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM QUANG THAI	CTK3	22	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN MINH TUẤN	CTK3	99	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG HIỆN	CTK3					68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN THIÊN	CTK3	90	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
11	THAI VĂN DŨNG	CTK3	89	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG VĂN ĐÔNG	CTK3	91	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN VĂN KHANG	CTK3	60	1	3		67	LILAMA	Vietnamese
14	ĐỖ KHAI MINH	CTK3	58	1	7		67	ANTOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN MINH PHỤNG	CTK3					70	ANTOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU VIỆT	CTK3	59	1	7		70	ANTOAN	Vietnamese
17	TRẦN HỮU NGHỊ	GTC1	22-23	2	15		58	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN QUỐC	GTC1	07,21	2	15		73	XAYLAP	Vietnamese
19	VŨ VĂN KHA	GTC1	26,41	2	15	40	65	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN TRANG	GTC1	24-25	2	15		64	XAYLAP	Vietnamese
21	HOANG DUY TÀI	GTC1	69-70	2	15		64	XAYLAP	Vietnamese
22	HÀ ĐỨC KHANH	GTC1	05-06	2	15		71	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	16	14	82	1.093	0	9		
2	GTC1	6	12	90	395	40	9		
3	VSP01	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	26	172	1.488	40	21		
WEIGHT KG				172	1.488	40			

GRAND TOAL: 1.700 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/11/2018	TO: TD2 - BK5 - VSP02	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:50
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTHAO - Vũ	ETA: 13:30
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG TRONG BÀI	TD2	92	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM TRUNG HIẾU	TD2	96	1	17	80	75	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM HỒNG PHONG	TD2	93	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ CHI CÔNG	TD2	95	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI QUANG HẠNH	TD2	94	1	5		58	CODIEN	Vietnamese
6	VŨ QUANG DƯƠNG	BK5	19-20	2	17	50	72	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN QUỐC HOÀN	VSP02	46	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI HUY BÌNH	VSP02					80	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ THAI SƠN	VSP02	47	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ XUÂN BÌNH	VSP02	44	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ QUANG ANH HÙNG	VSP02	42	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
12	NGÔ ĐỨC CHU	VSP02	45	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH DƯƠNG	VSP02	41	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN GIÁP	VSP02	43	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	LŨ SƠN	VSP02	53	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
16	TÔ VĂN HÙNG	VSP02	48	1	4	25	68	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN CÔNG QUÂN	VSP02	49	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN QUYẾT	VSP02					52	KH-THAC	Vietnamese
19	NIKITIN	VSP02	52	1	9		90	ANTOAN	Russian
20	ĐOÀN TIẾN LŨ	VSP02	51	1	7		65	NIPI	Vietnamese
21	NGUYỄN HỮU NHÀN	VSP02	50	1	7		75	NIPI	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN HÙNG	VSP02	40	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	5	5	50	323	80	1		
2	BK5	1	2	17	72	50	0		
3	VSP02	16	14	75	1.087	25	21		
TOTAL		22	21	142	1.482	155	22		
WEIGHT KG				142	1.482	155			

GRAND TOAL: 1.779 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/11/2018	TO: P4 - P9 - PPD	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:55
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Hòì - Trường	ETA: 13:35
Tray 3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRƯỜNG CÔNG THÌN	P4	21	1	10		70	PVE	Vietnamese
2	VŨ TRỌNG TŨ	P4	13	1	5		61	PVE	Vietnamese
3	LÊ HỒNG TRIỆU	P4	14-15	2	20		62	PVE	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN AN	P4	17	1	4		67	PVE	Vietnamese
5	ĐỖ PHU ĐẠT	P4	18-19	2	10		72	PVE	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HAI	P4	11-12	2	12		80	PVE	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU HOANG QUÂN	P4	20	1	4		54	PVE	Vietnamese
8	LÊ VĂN HÀ	P4	16	1	10		57	PVE	Vietnamese
9	TRẦN VĂN TRUNG	P9	45	1	7		47	PVC-PT	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN NHIỀU	P9	46	1	11	35	66	PVC-PT	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN CHUNG	PPD	35-36	2	7		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN CAO CƯỜNG	PPD	37	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN SINH	PPD	41	1	9		66	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN THANH TRÍ	PPD	44	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN ĐĂNG QUANG	PPD	33	1	8	103	56	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM TRẦN HỮU PHÚC	PPD	42	1	5		97	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM VĂN MỪNG	PPD	32	1	4		72	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐĂNG HUY	PPD	34	1	3		79	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN TIẾN THẮNG	PPD	38	1	4		77	KHI	Vietnamese
20	ĐỖ NGỌC TÂN	PPD	39	1	4		75	KHI	Vietnamese
21	HỒ THẾ HẠN	PPD	40	1	4		67	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN BA HÙNG	PPD	43	1	8		72	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	8	11	75	523	0	0+2		CHUYEN 2 PAX P4-P9
2	P9	2	2	18	113	35	1		
3	PPD	12	13	62	865	103	20		
TOTAL		22	26	155	1.501	138	21		
WEIGHT KG				155	1.501	138			

GRAND TOAL: 1.794 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/11/2018	TO: P2 - RP3 - RP1	AIRCRAFT: 846	ETD: 14:00
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTHAO - Vũ	ETA: 15:40
XANH-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KHIẾU VĂN TÍNH	RP3	86	1	8	22	55	BA SON	Vietnamese
2	PHAN DUNG TIEN	RP3	78	1	8		65	BA SON	Vietnamese
3	TRẦN VĂN HÙNG	RP3	79	1	8		60	BA SON	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN SƠN	RP3	77	1	8		80	BA SON	Vietnamese
5	PHAN HUY THĂNG	RP3	81-82	2	10		66	BA SON	Vietnamese
6	ĐẶNG MINH TRUNG	RP3	84	1	7		70	BA SON	Vietnamese
7	LÊ ĐỨC KIẾN	RP3	80	1	5		62	BA SON	Vietnamese
8	ĐOÀN VĂN MIỄN	RP3	83	1	10		60	BA SON	Vietnamese
9	ĐINH VĂN HAI	RP3	85	1	9		64	BA SON	Vietnamese
10	BUI SON HAI	RP1	93	1	17	38	65	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐOÀN VĂN BĂNG	RP1	700	1	18		77	XAYLAP	Vietnamese
12	VU XUAN CHINH	RP1	97	1	15		62	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ CÔNG THỜI	RP1	50	1	18		65	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN QUYÊN	RP1	92	1	8		70	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ HỒNG HÀN	RP1	48-49	2	18		64	XAYLAP	Vietnamese
16	PHẠM HỒNG QUÂN	RP1	45	1	8		56	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐINH QUANG THAI	RP1	46	1	7	20	80	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	RP1	94	1	8	10	65	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN SƠN	RP1	96	1	10		57	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐÌNH TUÂN	RP1	98	1	14		66	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN SI HAI	RP1	99	1	10		55	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN THE ANH	RP1	95	1	8		82	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	0	0	0	0	25	0		
2	RP3	9	10	73	582	22	7		
3	RP1	13	14	159	864	68	11		
TOTAL		22	24	232	1.446	115	18		
WEIGHT KG				232	1.446	115			

GRAND TOAL: 1.793 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPEIRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 10/11/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CLO+TD5+TD1	7:25	7+0+15	0+0+0		0+3+19	0+0+0	CHUYỂN 1 PAX TỪ CLO- TD1CHUYỂN 2 PAX TỪ TD5- TD1
2		PVD2+CLO	7:25	4+18	0+0		0+22	0+0	
3		TD1+RP2	9:25	10+11	0+0		10+12	0+0	
4		P6+P11+RP2	9:25	3+7+10	0+0+0		0+0+20	0+0+0	

TTBBSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/11/2018	TO: CLO - TD5 - TD1	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Hạnh - CHIẾN - HUY	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VOROBIEV S.L	CLO	34	1	5		92	KHOAN	Russian
2	DATSKO P.D	CLO	33	1	10		103	KHOAN	Russian
3	TRINH DUY THANH	CLO	32	1	4	40	74	KHOAN	Vietnamese
4	TRAN TRUNG THANH	CLO	29	1	6		77	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN LỘC	CLO	31	1	8		73	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN TIEN SINH	CLO	30	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
7	VU NGOC LUAN	CLO					86	KHOAN	Vietnamese
8	KLIUZHEV R.V	TD1	91	1	6		118	KHOAN	Russian
9	LE VAN UAN	TD1	84	1	7		58	PSV	Vietnamese
10	NGUYEN NGOC PHU	TD1	43	1	3		66	PSV	Vietnamese
11	NGUYEN TIEN THUAT	TD1	85	1	5		78	PSV	Vietnamese
12	BUI NGOC QUANG	TD1	97	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN QUY	TD1	89-90	2	10		65	KHOAN	Vietnamese
14	TRUONG HOANG KHANH	TD1	88	1	10		77	KHOAN	Vietnamese
15	PHAM CONG TIEN	TD1	86	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN DANH QUY	TD1					70	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN TUAN	TD1	94	1	3	20	70	KHOAN	Vietnamese
18	HOANG VAN THUONG	TD1	93	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
19	HOANG VAN DUY	TD1	95	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN TRONG THANG	TD1	96	1	13		50	KHOAN	Vietnamese
21	HUYNH HUU HUNG	TD1	87	1	8		63	KHOAN	Vietnamese
22	BUI VAN LOI	TD1	92	1	10		82	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	7	6	38	572	40	0 + 1		CHUYEN 01 PAX CLO SANG TD1
2	TD5	0	0	0	0	0	3 + 2		CHUYEN 02 PAX TD5 SANG TD1
3	TD1	15	15	87	1.058	20	19		
TOTAL		22	21	125	1.630	60	22		
WEIGHT KG				125	1.630	60			

GRAND TOAL: 1.815 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/11/2018	TO: PVD2 - CLO	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Hồi - Linh - DTùng	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÀ MINH TỬ	PVD2	71	1	12		56	DVL	Vietnamese
2	LY NHẬT TRƯỜNG	PVD2	72	1	14		76	DVL	Vietnamese
3	PHẠM VĂN TUÔNG	PVD2	70	1	9		80	DVL	Vietnamese
4	HUYNH VŨ TÍNH	PVD2	73	1	10		65	DVL	Vietnamese
5	MAI VĂN HỘI	CLO					75	KHOAN	Vietnamese
6	CHU ĐỨC AI	CLO	65	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG THAI ANH	CLO	64	1	4		81	KHOAN	Vietnamese
8	ĐỖ HUY BÌNH	CLO	73	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN MẠNH HOAN	CLO	80-81	2	15		60	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN MẠNH HÙNG	CLO	77-78	2	12		65	KHOAN	Vietnamese
11	TRỊNH QUỐC KHÁNH	CLO	82	1	7		100	D-HANH	Vietnamese
12	NGUYỄN BA HÙNG	CLO	74-75	2	18		80	DVL	Vietnamese
13	OREKHOV A.	CLO	83	1	7		100	NIPI	Russian
14	NGUYỄN DUY ĐỒNG	CLO	69	1	2		70	PSV	Vietnamese
15	LÊ MINH MINH	CLO	67	1	6		70	PSV	Vietnamese
16	HOANG HỮU THU	CLO	70	1	5		72	PSV	Vietnamese
17	VŨ MẠNH HƯỜNG	CLO	71	1	3		60	PSV	Vietnamese
18	LẠI ĐÌNH HAI	CLO	66	1	5		85	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH TUÂN	CLO	72	1	3		70	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH TÙNG	CLO	79	1	5		74	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH HẬU	CLO	76	1	5		70	PSV	Vietnamese
22	PHAN THANH HAI	CLO	68	1	4		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	4	4	45	277	0	0		
2	CLO	18	20	109	1.353	0	22		
TOTAL		22	24	154	1.630	0	22		
WEIGHT KG				154	1.630	0			

GRAND TOAL: 1.784 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/11/2018	TO: TD1 - RP2	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Hạnh - CHIẾN - HUY	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG MINH PHONG	TD1	04	1	4		67	PSV	Vietnamese
2	ĐAU DUC HUNG	TD1	03	1	4		70	PSV	Vietnamese
3	HOANG VAN BAY	TD1	07	1	3		58	PSV	Vietnamese
4	TRIỆU MINH HỒNG	TD1					69	PSV	Vietnamese
5	NGUYEN THANH CONG	TD1	02	1	3		69	PSV	Vietnamese
6	ĐAU VIỆT BAC	TD1	06	1	3		78	PSV	Vietnamese
7	NGUYEN MAI CUONG	TD1					61	PSV	Vietnamese
8	NGUYEN ANH TOAN	TD1	01	1	5		58	PSV	Vietnamese
9	HA VAN NIEM	TD1	08	1	3		65	PSV	Vietnamese
10	NGUYEN HONG THANG	TD1	05	1	5		82	PSV	Vietnamese
11	NGUYEN VAN LY	RP2	41	1	6		72	XAYLAP	Vietnamese
12	VÔ TIEN PHAT	RP2	47	1	17		68	XAYLAP	Vietnamese
13	PHAN ĐANG HUAN	RP2	55-56	2	22		77	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN VAN QUAN	RP2	52	1	18		60	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN VAN LOI	RP2	46	1	10		67	XAYLAP	Vietnamese
16	HAN TRICH GIANG	RP2	53-54	2	17		73	XAYLAP	Vietnamese
17	PHUNG QUANG ĐAI	RP2	43	1	19		73	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN SY LUC	RP2	44-45	2	16		76	XAYLAP	Vietnamese
19	PHAN VAN DUONG	RP2	42	1	10		62	XAYLAP	Vietnamese
20	TRAN VAN TRA	RP2	48-49	2	18		81	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN DINH TOI	RP2	50-51	2	10		67	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	10	8	30	677	0	10		
2	RP2	11	16	163	776	0	12		
TOTAL		21	24	193	1.453	0	22		
WEIGHT KG				193	1.453	0			

GRAND TOAL: 1.646 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/11/2018	TO: P6 - P11 - RP2	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Hôi - Linh - DTùng	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHU VĂN ĐẠT	P6	08	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN THANH	P6	06-07	2	12		46	BA SON	Vietnamese
3	PHẠM QUANG LINH	P6	05	1	10		60	BA SON	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN LỘC	P11	10	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN VŨ NAM	P11	12	1	8	18	72	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN VĂN HẸ	P11	17-18	2	18		67	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ PHÚC HOÀNG	P11	19	1	8	15	85	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN MINH HOÀNG	P11	11	1	12		74	XAYLAP	Vietnamese
9	HÀ MẠNH DŨNG	P11	16	1	10		63	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN HỮU MINH	P11	14-15	2	15		74	XAYLAP	Vietnamese
11	HOÀNG XUÂN KIẾN	RP2	84-85	2	15		68	XAYLAP	Vietnamese
12	QUẦN VĂN KHÁNH	RP2	91	1	11		72	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐINH TRỌNG KIẾN	RP2	88	1	7		70	XAYLAP	Vietnamese
14	HÀ TUẤN DŨNG	RP2	86-87	2	18		72	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN VIỆT HÙNG	RP2	97	1	10	12	76	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC ANH	RP2	92-93	2	18		71	XAYLAP	Vietnamese
17	BUI VĂN CHÍNH	RP2	96	1	11		65	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐẠO HỮU TUYẾN	RP2	99	1	5	18	68	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN HÀ	RP2	89-90	2	15		72	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN HẬU HAI	RP2	94-95	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	3	4	27	167	0	0		
2	P11	7	9	86	500	33	0		
3	RP2	10	15	127	694	30	20		
TOTAL		20	28	240	1.361	63	20		
WEIGHT KG				240	1.361	63			

GRAND TOAL: 1.664 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/11/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+TTC1	7:25	22+0	0+0		11+1	0+0	
2		P7+PVD2	9:25	15+6	0+0		10+10	0+0	

TTPBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/11/2018	TO: TD2 - TTC1	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - TRƯỜNG - Vũ	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HAI	TD2	53	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
2	VŨ MẠNH THĂNG	TD2	46	1	3		73	KHOAN	Vietnamese
3	BUI NGỌC DUNG	TD2	35	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH ANH	TD2	42	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN ĐỨC DUC	TD2	39	1	5		53	KHOAN	Vietnamese
6	PHAN MẠNH CƯỜNG	TD2	43	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
7	NGÔ VĂN HUY	TD2	36	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM THANH GIANG	TD2	47	1	4	20	74	KHOAN	Vietnamese
9	ĐO BA NAM	TD2	38	1	6		81	KHOAN	Vietnamese
10	NGO ĐOAN ĐUC	TD2	40	1	10		77	KHOAN	Vietnamese
11	LUÔNG HUNG TRIET	TD2	41	1	15		71	KHOAN	Vietnamese
12	LE HAI NGAN	TD2	37	1	9		53	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN THÈ TRÀ	TD2	29-30	2	18		71	NHA THAU	Vietnamese
14	BONNIE MURZELLO	TD2	31-32	2	17		78	NHA THAU	Indian
15	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	TD2	48-49	2	16		74	NHA THAU	Vietnamese
16	NGUYỄN PHÚ QUỐC	TD2	50-52	3	13		66	NHA THAU	Vietnamese
17	PHẠM ĐÌNH THĂNG	TD2	33-34	2	12		70	NHA THAU	Vietnamese
18	ĐÌNH QUANG CHIẾN	TD2	45	1	12		72	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN THAI AN	TD2	44	1	6		71	DVL	Vietnamese
20	NGO TRI HOANG	TD2	54	1	7		63	DVL	Vietnamese
21	LE PHAT THINH	TD2	28	1	5		90	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	21	27	179	1.508	20	11		
2	TTC1	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		21	27	179	1.508	20	12		
WEIGHT KG				179	1.508	20			

GRAND TOAL: 1.707 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/11/2018	TO: P7 - PVD2	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - TRUÔNG - Vũ	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DAVUDOV D.S	P7	15	1	5		60	KHOAN	Russian
2	PHAN TRUC TUYEN	P7	09	1	7		64	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN MANH TINH	P7	13	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
4	VU CAO BANG	P7	03	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
5	LE HUY TUYEN	P7	11-12	2	10		53	KHOAN	Vietnamese
6	VU VAN HOA	P7	18	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN THAI DUONG	P7	17	1	7		52	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN TRONG DUNG	P7	16	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM XUAN HUY	P7	04	1	10		63	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN NGAN	P7	14	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
11	HUYNH TRUNG NGHIA	P7	01-02	2	12		66	KHOAN	Vietnamese
12	THAI VIET DINH	P7	05-06	2	15		66	KHOAN	Vietnamese
13	NGO DUYNH NGOC	P7	08	1	12		60	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN VAN MANH	P7	07	1	12		62	KHOAN	Vietnamese
15	TA BA HOAN	P7	10	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN MINH PHUC	PVD2	84-86	2	17		68	D-HANH	Vietnamese
17	NGUYEN VAN DUNG	PVD2	82-83	2	17		70	D-HANH	Vietnamese
18	NGUYEN THANH VU	PVD2	77-78	2	15	15	70	D-HANH	Vietnamese
19	PHAM QUOC HUNG	PVD2	79-80	2	17		72	D-HANH	Vietnamese
20	NGUYEN NGOC THANH	PVD2	81	1	9		52	D-HANH	Vietnamese
21	LE MINH HIEU	PVD2	74	1	9		67	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	15	18	135	960	0	10		
2	PVD2	6	10	84	399	15	10		
TOTAL		21	28	219	1.359	15	20		
WEIGHT KG				219	1.359	15			

GRAND TOAL: 15 + 1.578 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN